| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN V**<br>**TỈNH N**<br>---------- | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 46/2018/ QĐST-HNGĐ | *V, ngày 06 tháng 6 năm 2018* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 50/2018/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: **Anh Trần Hữu T,** sinh năm 1990.

Trú tại: Đội 4, xã L, huyện V, tỉnh N.

Bị đơn: **Chị Bùi Thị Bích P**, sinh năm 1993.

Trú tại: Đội 4, xã L, huyện V, tỉnh N.

- Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ Luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ các Điều 55; 58; 81; 82; 83, 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình.
- Căn cứ Điều 357 Bộ luật Dân sự.
- Căn cứ Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.
- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 5 năm 2018.

## XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 5 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH

**1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa:**

Nguyên đơn: **Anh Trần Hữu T,** sinh năm 1990.

Trú tại: Đội 4, xã L, huyện V, tỉnh N.

Bị đơn: **Chị Bùi Thị Bích P**, sinh năm 1993.

Trú tại: Đội 4, xã L huyện V, tỉnh N.

**2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau**:

***2.1. Về quan hệ con chung:*** Anh Trần Hữu T và chị Bùi Thị Bích P đều xác định họ có 02 con chung. Cháu lớn tên là Trần Khánh Đ, sinh ngày 16/8/2011. Cháu bé tên là

Trần Hữu P1, sinh ngày 17/7/2015. Hiện nay, cháu Trần Khánh Đ bị khuyết tật nặng dạng thần kinh, tâm thần bẩm sinh. Nay ly hôn các đương sự thỏa thuận giao cháu Đ cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục kể từ tháng 6/2018; giao cháu P1 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục kể từ tháng 6/2018cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Chị P tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi hai cháu kể từ tháng 6/2018 cho cháu Đ là 500.000 đồng/tháng và cháu P1 là 500.000 đồng/ tháng cho đến khi cháu P1 đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trong trường hợp bên có nghĩa vụ trậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

***2.2. Về tài sản và công nợ chung***: Anh Trần Hữu T và chị Bùi Thị Bích P đều không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết vì vậy vấn đề tài sản chung và công nợ chung, Toà án không xem xét giải quyết.

***2.3. Về án phí:*** Anh Trần Hữu T phải nộp 150.000 đồng án phí thuận tình ly hôn và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Viễn theo biên lai số AA/2013/0001043 ngày 04/5/2018.

"Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự"

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm**.

**THẨM PHÁN**

**(đã ký)**

**Hà Thiện Thành**

*Nơi nhận:*
- *TAND tỉnh N;*
- *VKSND huyệnV;*
- *Chi cục Thi hành án DS huyện V;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã L;*
- *Lưu hồ sơ.*